

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải và ông Phạm Đình Bông.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun là thư ký TAND huyện Krông Nô.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Ông Phan Như Khánh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23/6/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị N – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Vi Văn T – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2022 (nộp trực tiếp ngày 22/6/2022), quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Vi Văn T chung sống với nhau như vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 2009, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, chị N khuyên bảo thì anh T không nghe lại còn đánh đập chị N. Kinh tế gia đình khó khăn chị N giao con cho anh T chăm sóc để đi làm ăn nhưng anh T không quan tâm, chăm sóc con, anh T còn gây thương tích cho người khác dẫn đến việc hiện nay phải đi chấp hành án. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, không thể hàn gắn được nữa nên chị Lò Thị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị Lò Thị N có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vi Thị Thúy N, sinh ngày 07/8/2009 và Vi Thái B, sinh ngày 17/01/2013 đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Vi Văn T trình bày:

Anh T và chị N có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, không còn yêu thương chia sẻ cho nhau. Anh T thừa nhận có đánh đập chị N, sau đó chị N đi làm ăn xa, anh T ở nhà thì gây thương tích cho người khác nên hiện nay anh đang đi chấp hành án tại Trại giam Đ đóng tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian không chung sống cho đến nay anh chị không tìm cách hàn gắn vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Anh T đồng ý giao con chung Vi Thị Thúy N, sinh ngày 07/8/2009 và Vi Thái B, sinh ngày 17/01/2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T tại thôn Đ, xã N thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân của anh T và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập chị N, thôn xóm hòa giải nhưng sau đó tình trạng mâu thuẫn vẫn xảy ra, từ năm 2019 đến nay chị N đi làm ăn xa, đầu năm 2021 anh T gây thương tích cho người khác nên hiện nay đang đi chấp hành án.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: CCCD; Sổ hộ khẩu (bản sao); Bản sao Trích lục kết hôn, giấy khai sinh (bản sao); Bản án số 39/2021/HSST, ngày 14/9/2022; Bản án số 81/2021/HS-PT, ngày 10/11/2021 (phô tô); Biên bản lấy lời khai của anh Vi Văn T; Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự. Đây là các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập theo trình tự thủ tục được Tòa án chấp nhận làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị N và anh Vi Văn T.

Về yêu cầu nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh T: Giao con chung Vi Thị Thúy N, sinh ngày 07/8/2009 và Vi Thái B, sinh ngày 17/01/2013 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh Tam cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lò Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn là anh Vi Văn T có nơi cư trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014, thể hiện chị N và anh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông ngày 03/6/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống, anh chị không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, quan tâm, thấu hiểu, yêu thương, tin tưởng nhau, anh chị thường xuyên đánh đập, cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là từ đầu năm 2019 đến nay anh chị không chung sống với nhau, chị N đi làm ăn xa, anh T gây thương tích cho người khác dẫn đến việc phải đi chấp hành án tại Trại giam Đ đóng tại xã E, huyện

C, tỉnh Đắk Lắk. Chị N cho rằng tình cảm yêu thương dành cho anh T không còn, anh T đồng ý ly hôn vì anh đang chấp hành án vì vậy việc đoàn tụ không thành. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh T và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Chị N và anh T thừa nhận có 02 con chung Vi Thị Thúy N, sinh ngày 07/8/2009 và Vi Thái B, sinh ngày 17/01/2013. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Thị Thúy N và cháu Vi Thái B đến tuổi trưởng thành. Anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu của chị N được nuôi Vi Thị Thúy N và Vi Thái B đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, chị N và anh T tự thỏa thuận việc nuôi con chung, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu N và cháu B có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Lò Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy, cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị N là tự nguyện, đúng pháp luật, cần áp dụng các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Vi Thị Thúy N và Vi Thái B cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T và chị N có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N.

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Vi Văn T thuận tình ly hôn.

b. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Vi Thị Thúy N, sinh ngày 07/8/2009 và Vi Thái B, sinh ngày 17/01/2013 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Vi Văn T và chị Lò Thị N có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

c. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị N và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Lò Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0003329, ngày 22/6/2022.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. K;
- UBND xã N;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi